TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2023
" *V/v ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lương Thị Thuỷ**
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quang Chử** - Cán bộ hưu trí
Bà **Dương Thị Thu Hồng** - Hội phụ nữ xã Cẩm Ninh
- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Thư ký toà án huyện Ân Thi
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà*:
Bà **Nguyễn Thị Hữu** - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1996
- *Bị đơn:* Anh Bùi Đức H, sinh năm 1991
- *Người có quyền lợi liên quan:* Cháu Bùi Ngọc T**,** sinh năm 2020
- *Người đại diện cho cháu* T: chị X, anh H

HKTT: Thôn B, xã Q, huyện Â, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của chị Nguyễn Thị X *trong quá trình tố tụng thể hiện:*

Chị và anh H có thời gian tìm hiểu nhau rất ngắn, được sự vun vén của hai bên gia đình, anh chị có tổ chức cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào tháng 02/2019.

Sau khi kết hôn, chị X về ngay nhà anh H chung sống, do vợ chồng bỏ học sớm (chị học hết lớp 2 còn anh H hết lớp 5) nên vợ chồng chỉ ở nhà làm nông nghiệp và giúp bố mẹ anh H bán hàng lặt vặt ở nhà. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung là Bùi Ngọc T, sinh năm 2020. Sau khi có con vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh H hay chửi mắng, không tôn trọng chị, không có chính kiến hay nghe mẹ. Bên cạnh đó giữa chị và mẹ chồng cũng hay xảy ra mẫu thuẫn cãi nhau. Bà T1 đối xử tệ bạc và thường xuyên

đánh mắng chửi chị, nói chị ăn bám. Quá nhiều lần và bị dồn nén nên từ mùng 2 tết năm 2023 chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở và không quay lại nhà chồng nữa. Thời gian vợ chồng ly thân, gia đình anh H có đến nhà xin lỗi và hoà giải nhưng nhận thấy không còn tình cảm cũng như không thể hàn gắn được nên chị kiên quyết ly hôn anh H.

Còn theo lời khai của anh H: Anh và chị X hai vợ chồng đều không nhanh nhẹn hoạt bát lại ít học nên chỉ ở nhà phụ bố mẹ anh kinh doanh bán hàng. Quá trình chung sống vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng từ sau khi sinh con và cháu bị bệnh chân teo lại không đi được nên vợ chồng và gia đình cũng chán. Vợ chồng hay lục đục, mẹ anh cũng hay mắng chửi chị X. Anh cũng nhiều khi nóng giận có chửi bới và đánh vợ, có lần chị X bỏ về nhà mẹ đẻ, anh sang bảo về và có to tiếng với bố mẹ vợ nên sau đó gia đình hai bên cũng bất hoà. Mẹ anh và vợ xung khắc nên nhiều lúc nóng giận có chửi mắng chị X và mẹ vợ, anh biết chuyện nên không hài lòng. Sau đó chị X bỏ về nhà mẹ đẻ từ đầu năm 2023 cho đến nay dù anh sang đón cũng không về. Khi chị X bỏ đi cháu T vẫn ở cùng anh và ông bà nội của cháu. Thời gian sống ly thân Xoa không quan tâm con cái, vợ chồng không ai làm lành hay hoà giải với nhau. Nay nếu chị X yêu cầu ly hôn thì anh nhất trí vì anh không cần.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Bùi Ngọc T, sinh năm 2020, đến nay đã 3 tuổi nhưng không đi được, gia đình cũng đã chạy chữa nhưng chưa kết quả. Cháu hiện ở cùng anh H và ông bà nội cháu. Vợ chồng ly hôn chị X muốn gia đình anh H nuôi cháu vì hiện cháu còn yếu, chị không có công việc, hạn chế về giao tiếp và trình độ nên vẫn thất nghiệp ở nhà với mẹ đẻ. Còn anh H đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về vấn đề tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị X, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Lời khai của người làm chứng:

- Ông Bùi Kim T2, bố của anh H: Việc kết hôn của anh H chị X là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q năm 2019. Ngay sau khi kết hôn chị X về gia đình ông chung sống. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con gái là Bùi Ngọc T, sinh năm 2020. Cháu T bị bệnh đau yếu từ nhỏ hiện không biết đi do bệnh lý, gia đình phải điều trị hỗ trợ cho cháu rất tốn kém. Chị X vụng về không nhanh nhẹn hoạt bát nên không chăm con, mẹ chồng nàng dâu hay xung khắc. Vợ ông là bà T1 cũng nhiều lúc bức xúc có mắng con dâu, chuyện cũng không có gì nhưng bên thông gia không thông cảm nên thành câu chuyện không hoà hợp. Chị X bỏ đi khỏi nhà ông từ hôm mùng hai tết nguyên đán vừa qua đến nay. Theo ông T2 anh H, chị X bất đồng quan điểm, chị X không nhanh nhẹn còn H thì nóng tính nên có lần cũng đánh vợ. Khi xảy ra vấn đề hai bên thông gia không thông cảm cho nhau nên thành câu chuyện. Ông cũng có nhiều lần khuyên và nói chuyện với ông bà thông gia nhưng gia đình không thông cảm đẩy câu chuyện mâu thuẫn đi xa. Ông cũng đã khuyên và trao đổi với gia đình thông gia nhưng không có cải thiện. Chị X yêu cầu ly hôn, gia đình ông cũng không muốn nhưng chị ấy quyết thì cũng để anh chị ấy tự quyết định.

- Bà Cao Thị X1 là mẹ đẻ của chị X: Anh H và chị X qua người giới thiệu quen biết nhau một thời gian sau đó nhất trí lấy nhau, hai bên gia đình tổ chức cưới cho anh chị. Anh H chị X lấy nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại

UBND xã Q vào năm 2019. Sau khi đám cưới chị X về nhà anh H chung sống cùng gia đình, quá trình sống ở nhà chồng, chị X thường xuyên bị anh H và mẹ chồng chửi mắng, thậm chí còn nhiều lần đánh đập chị X. Gia đình bà ý kiến thì bên đó bảo do chị X vụng về và tiếp tục đối xử xử tệ bạc với con gái bà. Tết năm 2023 vừa rồi chị X không chịu được nên đã bỏ về nhà bà sống đến nay, bây giờ chị X muốn lý hôn anh H thì tùy chị ấy quyết định, gia đình bà không can thiệp.

Chị X, anh H có 01 con chung là Bùi Ngọc T sinh tháng 3/2020, hiện nay cháu đang ở với bố và ông bà nội, khi chị X bỏ về thì chị ấy để con lại. Nếu anh chị ly hôn, bà X1 đề nghị để cháu T cho bố và ông bà nội của cháu nuôi dưỡng vì bên đó có điều kiện hơn. Vợ chồng bà sinh được 05 người con, hiện nay có 02 cháu đi xây dựng gia đình còn lại 03 cháu đang sống cùng, chồng bà thì ốm đau thường xuyên phải đi viện điều trị, không lao động được, chỉ có bà và một con gái là lao động chính trong gia đình nuôi 5 người, bản thân chị X không được khôn ngoan như người khác, chị ấy chỉ làm việc vặt ở nhà, không đi lao động kiếm tiền được nên không thể nuôi con chung của anh chị ấy.

Việc xác minh với chính quyền địa phương:

- Ông Hoàng Cảnh L- Trưởng thôn B cung cấp: anh H và chị X kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ở xã. Sau khi cưới chị X về ngay nhà anh H sống. Quá trình chung sống vợ chồng không có điều tiếng gì và có một con gái chung là cháu T sinh năm 2020. Chị X, anh H đều chậm chạp và không hoạt bát nên cưới nhau về chỉ ở nhà làm việc vặt ở nhà. Cháu T bị bệnh nên không đi được, gia đình có đưa cháu đi khám điều trị nhưng không có kết quả. Giữa chị X và anh H hay cãi nhau, bà T1 mẹ anh H và chị X mâu thuẫn, bà T1 hay chửi và quát mắng chị X, do thông gia ở gần nhà nhau nên gia đình chị X biết nên có bất hòa. Chị X bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đầu năm 2023 không quay lại.

Ông Đào Ngọc N - Trưởng thôn Ngô X2 cung cấp: anh H, chị X kết hôn tự nguyện và có tìm hiểu nhau. Sau khi cưới chị X về nhà anh H ở. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn cụ thể ông không nắm được, chị xoa bỏ về nhà mẹ đẻ từ đầu năm 2023 không quay lại nhà anh H. Khi vợ chồng ly thân anh H có sang đón vợ và to tiếng với bố mẹ chị X. Chị X chậm chạp, không đi làm nên chỉ ở nhà làm việc vặt và bà X1 bao bọc. Gia đình bố mẹ chị X cũng hoàn cảnh, ông V bố chị X thường xuyên đau yếu phải đi viện để xạ trị. Bà X1 chỉ làm nông nghiệp bán rau chứ không có nghề gì khác. Khi chị X bỏ về nhà mẹ đẻ sống không đưa con đi cùng, hiện chị X chỉ ở nhà làm việc vặt ở nhà chứ không đi làm gì.

UBND xã Q cung cấp: chị X và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 01/02/2019. Sau khi kết hôn chị X về nhà anh H chung sống cùng bố mẹ anh H là ông T2, bà T1. Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Ngọc T sinh năm 2020. Cháu T thể chất yếu không đi lại được. Đầu năm 2023 chị X bỏ về nhà mẹ đẻ sống nguyên nhân do vợ chồng bất hòa, chị X và mẹ anh H xích mích, bà T1 hay chửi mắng chị X.

Tại phiên tòa: Chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh H, chị đề nghị để anh H nuôi con vì chị không có thu nhập cũng như có điều kiện chăm con, còn quan điểm của anh H chị X nhất quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí. Tuy nhiên quá trình tranh tụng tại phiên tòa cả anh H và chị X đều thừa nhận vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

*. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

*. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn, bị đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*. Về tình trạng hôn nhân: Chị X và anh H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Q ngày 01/02/2019. Nên hôn nhân của chị X, anh H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống vợ chồng chị X, anh H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có lúc bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mà chủ yếu là do chị X, anh H không tự nuôi sống được bản thân và con chung mà phụ thuộc vào gia đình anh H. Bà T1 là mẹ chồng chị X hàng ngày phải chăm sóc con chung cho anh H, chị X là cháu T bị bệnh bại liệt không đi lại được nên có nhiều áp lực dẫn đến việc bà T1 chửi mắng chị X là ăn bám nên chị X và bà T1 nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và bà T1 nhiều lần mắng chửi xúc phạm chị X, chị X không chịu đựng được nên bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân anh H từ đó cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị X, anh H chưa đến mức trầm trọng và có thể khắc phục được. Đồng thời anh H, chị X không tự nuôi sống bản thân sống phụ thuộc vào gia đình và anh H, chị X đều không muốn nhận nuôi cháu T nên để bảo vệ quyền lợi cho cháu T và cháu châm không bị thiệt thòi về mọi mặt nên để anh H và chị X3 đoàn tụ chung sống để cùng nhau nuôi dậy cháu T. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của X về việc xin ly hôn anh H.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng in phi và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử :

- Không chấp nhận câu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X về việc xin ly hôn anh Bùi Đức H.
- Về con chung, tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị X phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, việc tranh luận và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Đức H và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều cư trú tại xã Q, huyện Â, tỉnh Hưng Yên, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: chị X và anh H xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Â, tỉnh Hưng Yên vào năm 2019 đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Do vậy, hôn nhân nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cũng như người làm chứng là hai bên gia đình đều thừa nhận vợ chồng chị X và anh H có mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng được xác định là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau. Tình cảm vợ chồng không mặn nồng, cuộc sống hôn nhân không được như ý. Mặt khác, chị X và mẹ chồng không hợp nhau, bà T1 hay chửi mắng diếc móc chị X ăn bám và phía gia đình chị X không hài lòng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và mâu thuẫn giữa hai gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng đầu năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến ai và cũng không hàn gắn lại được tình cảm, ông T2 - bố anh H nhiều lần khuyên cả hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị X kiên quyết xin ly hôn, anh H nhất trí ly hôn. Tuy nhiên quá trình tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của anh H, chị X và lời khai của hai bên gia đình đều thừa nhận vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì. Vấn đề chủ yếu là do trong cuộc sống hàng ngày, bà T1 có nhiều áp lực trong việc chăm sóc con cháu, nên thi thoảng có chửi mắng chị X, chính vì vậy chị X đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Hơn nữa con chung của anh H chị X là cháu là Bùi Ngọc T sinh năm 2020 bị bệnh bại liệt không đi lại được, vợ chồng ly hôn, quan điểm của anh H, chị X và hai bên gia đình đều không muốn nhận nuôi cháu T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống vợ chồng, giữa chị X và anh H không có mâu thuẫn gì, bản thân anh H, chị X không tự nuôi sống được bản thân đều phải dựa vào gia đình, để bảo vệ quyền lợi cho cháu T và để cho cháu không thiệt thòi về mọi mặt, nên để cho anh H chị X về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung có sự hỗ trợ của của hai bên gia đình là tốt nhất. Do vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X về việc ly hôn anh H.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên chị X phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X về việc ly hôn anh Bùi Đức H.

2. Về án phí: chị X phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị X đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003130 ngày 10/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị X đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án..

Nơi nhận
- *VKS huyện Ân Thi;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Quảng Lãng;*
- *Chi cục THADS huyện Ân Thi;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thuỷ